**BÀI 5: TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN**

**(07 tiết)**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết 46: VĂN BẢN 2:**

**HUYỆN ĐƯỜNG**

***(Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS nắm được một số đặc điểm tuồng dân gian thể hiện quan đoạn trích trên các phương diện: Đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại (tính vô danh và phương thức lưu truyền).

- Cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm qua cảnh tuồng *Huyện đường*

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: NLGQ vấn đề, hợp tác, tự học, sáng tạo.  
- NL đặc thù: giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ văn học.

**3. Phẩm chất**

- Thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu của mà cha ông để lại; Có thái độ phê phán, mỉa mai với những hiện tượng, con người làm việc sai trái, vô đạo, bòn rút tiền của dân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

**2. Học liệu:** SGK *Ngữ văn 10* - Tập 1, sách bài tập đọc hiểu,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số…….**

**2. Kiểm tra:**

***- Câu hỏi***: Qua đoạn xưng danh của Súy Vân, có thể nhận ra những đặc điểm gì của sân khấu chèo (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn)

***- Trả lời:*** Xưng danh là cách giới thiệu thể hiện nhân vật rất riêng của sân khấu chèo và cả tuồng. Hình thức này, giúp ta hiểu nhanh về loại, đặc điểm, vai trò của nhân vật ngay từ khi nhân vật mới xuất hiện trên sân khấu. Vì thế khán giả không cần phải suy đoán về tính cách nhân vật, để dễ dàng thưởng thức nghệ thuật trình diễn của diễn viên qua điệu múa, lời ca.

+ Nội dung xưng danh: khái quát về danh tính, quê quán, thân phận, gia cảnh, tính cách,…

+ Từ góc nhìn của khán giả hiện đại, cách tự giới thiệu có vẻ không tự nhiên, nhưng với người xưa lại được chấp nhận như một quy ước nghệ thuật. Qua lời chào hỏi, khoảng cách giữa khán giả và diễn viên gần gũi, hô ứng.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**  HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới về đoạn trích ***Huyện đường.***

**b. Nội dung:** trả lời câu hỏi: Ai nhanh hơn!

***Câu 1.*** Em hiểu thế nào là loại hình nghệ thuật chèo?

***Câu 2.*** Tuồng là loại hình nghệ thuật như thế nào?

***Câu 3.*** Đặc điểm của văn bản tuồng?

**c. Sản phẩm:**- Học sinh trả lời:

***Câu 1.*** Chèo nguyên là loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ , thường được diễn ở sân đình trong thời gian các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hóa dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo.

***Câu 2.*** Là loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dười triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuỗng dân gian.

***Câu 3.*** Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dan gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, hay đả kích môt hạng người trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung chính** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: chiếu màn hình và đọc nội dung ba câu hỏi  - HS cả lớp nghe, ai biết câu trả lời nhanh nhất thì HS giơ tay phát biểu.  ***Câu 1.*** Em hiểu thế nào là loại hình nghệ thuật chèo?  ***Câu 2.*** Tuồng là loại hình nghệ thuật như thế nào?  ***Câu 3.*** Đặc điểm của văn bản tuồng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS:Trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ:  **B3: Báo cáo thảo luận**  **- HS**  nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Giờ trước các em đã được tìm hiểu trích đoạn “Súy Vân giả dại” trích vở chèo “Kim Nham”, tiết học hôm nay chũng ta cũng tìm hiểu đoạn trích tích trò dân gian tuồng hài Nghêu, Sò, Ốc Hến. Ở đoạn trích này, chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn về loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dười triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Đoạn trích Huyện đường thuộc loại tuỗng dân gian.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú.  **- Đáp án:**  ***Câu 1.*** Chèo nguyên là loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ , thường được diễn ở sân đình trong thời gian các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hóa dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo.  ***Câu 2.*** Là loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dười triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuỗng dân gian.  ***Câu 3.*** Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dan gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, hay đả kích môt hạng người trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**A. Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** HS hình dung được những nét cơ bản của đoạn trích ***Huyện đường***.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng tự đọc, đọc diễn cảm.

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin.

- GV hướng dẫn HS cách thức đọc, ngữ điệu và giọng điệu của từng nhân vật.

**c. Sản phẩm:** Kết quả trình bày, đọc diễn cảm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**A. Tri thức ngữ văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: Dành 1p phút để HS tự đọc, tóm tắt vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* trong SGK.  - CH: Em hãy kể lại nội dung tác phẩm bằng lời kể của mình?  - GV: Giao cho HS đọc phân vai. Chú ý ngữ điệu, giọng điệu của các nhân vật: lí trưởng, đề lại,..  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  - HS: đọc phân vai  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS nhận xét các đọc của các bạn  **B4: Kết luận, nhận định** | 1. **ĐỌC VĂN BẢN**   **- Tóm tắt vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến:***Trộm Ốc nhờ thầy bói Nghêu (hay Ngao) gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái góa trẻ đẹp. Lý trưởng và Trùm Sò đến lục soát bắt được tang vật, liền giải Thị Hến lên trình quan huyện. Khi đến công đường, Thị Hến đã làm cho quan huyện và thầy đề mê mệt vì nhan sắc của mình. Kết quả là Trùm Sò mất tiền, thầy Lý bị đòn, Thị Hến được tha bổng. Kết thúc vở là cảnh cả quan huyện, thầy đề, thầy Lý vì mê mẩn Thị Hến chạm mặt nhau và bị các bà vợ đánh ghen tại nhà Thị Hến.  **- Đọc văn bản** |

**B. Đọc – hiểu văn bản**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến và đoạn trích *Huyện đường***

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về tuồng ***Nghêu, Sò, Ốc, Hến*** và nội dung đoạn trích *Huyện đường*

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi để tìm ra nội dung khái quát về tuồng ***Nghêu, Sò, Ốc, Hến*** và đoạn trích *Huyện đường*

**c. Sản phẩm:** Kết quả trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: Em hãy giới thiệu lại về tuồng dân gian là thể như thế nào?  - GV: Em hãy tóm tắt các sự việc trong đoạn trích? Rồi chia bố cục đoạn trích? Nội dung của từng đoạn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.\  - Đoạn trích kể về những âm mưu, toan tính của những kẻ đại diện cho công quyền (gồm tri huyện, đề lại, các lính lệ) nhằm “tróc tiền” của những người thưa kiện (gồm lí trưởng và Trùm Sò)  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS nhận xét các đọc của các bạn  **B4: Kết luận, nhận định**  **\* Nhiệm vụ 2:Hoạt động nhóm (5P)**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Nhóm 1:** Em hãy liệt kê những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường từ tri huyện, đề lại, đến các lính lệ.  - **Nhóm 2:** Việc tri huyện và đề lại không cần phải giữ ý với nhau, vì sao vậy? Phân tích sự hô ững nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật?  **- Nhóm 3:** Theo dõi cảnh tuồng *Huyện đường*, bạn hiểu như thế nào về thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”?  + GV gợi ý, định hướng: Tục ngữ Việt Nam có câu: “Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ”.  Chính câu tục ngữ này đã cho thấy sự đánh giá tổng quát của tầng lớp bị trị xưa về chốn công quyền hoặc chốn “cửa quan”.  - **Nhóm 4:** Lời tự giới thiệu (qua hình thức nói lối) của nhân vật tri huyện đã giúp người xem, người đọc hiểu được điều gì về con người ông ta? Hãy so sánh lời tự giới thiệu đó của một nhân vật cụ thể trong tuồng với những lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống để rút ra nhận xét cần thiết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** thảo luận.  **B3: Báo cáo thảo luận:** thuyết trình, nhận xét chéo, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định** | 1. **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**   **1. Tuồng dân gian:** giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm thói hư, tật xấu, hay đả kích một số hạng người nhất định.  **2. Đoạn trích (màn tuồng)**  ***- Bố cục: 3 phần***  ***+*** Phần 1: Tri huyện xưng danh (tù Quyền trọng… đến chuyên cần)  + Phần 2: tri huyện và đề lại tính kế bóp nặn người thưa kiện. (tiếp đến “lệ tâu”  + Phần 3: Lính lệ bắt đầu thực thi kế hoạch của “quan” (đoạn còn lại).  **3. Tìm hiểu đoạn trích**  ***3.1. Hình ảnh những kẻ đại diện cho bộ máy công quyền***  **- Những lời thoại chính của tri huyện**: “Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền”; “Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được”; “Phải, nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”; “...lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào lại chả được”.  - Những lời thoại của đề lại: “Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả”; “Bẩm quan xử thật sâu sắc”; “Vâng ạ, quan xử hay lắm”. Lời thoại của lính lệ: “Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đấy”.  -> Tất cả những lời thoại nêu trên cho thấy mọi mối bận tâm của tri huyện, đề lại và lính lệ đều chỉ xoay quanh một chữ “tiền”. Hệ thống lời thoại rất tinh tế, hàm súc, mỉa mai.  **\* Việc tri huyện và đề lại “cởi mở” với nhau** là việc tự nhiên, dễ hiểu vì họ tương đồng về bản chất, lại cấu kết với nhau lâu dài trong việc chiếm đoạt tiền bạc từ người thưa kiện.  - Tri huyện vừa phàn nàn về nỗi “Nha lại vắng bẩm thân,/ Dân xã không đấu cáo” thì đề lại xác nhận ngay: “Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả”. Rõ ràng các quan chỉ mong có chuyện kiện cáo để  kiếm chác.  - Mỗi lời tri huyện nói ra đều được đáp lại bằng tiếng “Vâng” và ngược lại,lời thưa của đề lại có thể nhanh chóng được xác nhận bằng tiếng “Phải”.  **\* Thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”**  - Thái đội đánh giá tiêu cực, hàm chứa sự mỉa mai, khinh bỉ, đả kích.  - Người dân xưa chỉ thấy “cửa quan” là chốn ô trọc,  lúc nhúc nhưng kẻ đục khoét đầy mưu mô, luôn tìm cơ hội vơ vét “cho đầy túi tham” và làm hại những người “thấp cổ bé họng”, kể cả thành phần bất hảo nhưng ở thế yếu hơn (như lí trưởng, Trùm Sò).  -> Cách nhìn nhận có tính lịch sử, việc khắc phục phải gắn liền với những đổi thay cơ bản của thể chế. Hiện nay, định kiến dai dẳng này đã dần được xoá bỏ khi xã hội đã phát triển theo chiều hướng văn minh, tiến bộ.  **\* Lời tự giới thiệu của tri huyện** đã giúp người  xem, người đọc hiểu:  - Tri huyện là một kẻ “ăn trên ngồi trốc”, hưởng đủ mùi phú quý và quen sống phóng đãng “Đỉnh chung đà đủ miếng/ Hoa nguyệt cũng quen mùi”. Ông ta đã thực hiện chức phận một cách tồi tệ, cây quyền cậy thế để tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vơ vét được nhiều: “Lấy của cậy ngọn  roi/ Làm quan nhờ lỗ khẩu/ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền/ Dân xã nếu không kiêng/ Bỏ xuống lao giam kĩ”.  - Theo tác giả dân gian, đây là đặc điểm chung của tầng lớp thống trị chứ không phải đặc điểm của một  nhân vật cá biệt nào.  + Đoạn độc thoại : “Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần”. Hai từ “thú vị” và “chuyên cần” cho thấy tri huyện đã hài lòng biết bao với cuộc sống của mình. Ông ta càng “chuyên cần” thì dân đen càng khốn đốn.  -> Tác giả dân gian đã thể hiện một thái độ châm biếm sâu cay.  - Tính ước lệ của đoạn lời thoại mang tính chất xưng danh: Thông thường, trong đời sống, khi tự giới thiệu, không ai muốn nói ra những cái xấu của bản thân. Nhưng ở đây, nhân vật tri huyện đã làm điều ấy.  - Ngôn ngữ của nghệ thuật, đảm nhiệm các chức năng vừa thể hiện hành động theo tích trò đã xác định, vừa định hướng suy nghĩ, cảm nhận của khán giả, độc giả về chính sự việc đang diễn ra.  ***3.2. Giá trị nổi bật của màn tuồng***  - Giá trị hiện thực sâu sắc.  - Nghệ thuật châm biếm và khắc họa nhân vật đặc sắc.  - Đặc điểm ngôn ngữ được thể hiện rõ nét qua việc sử dụng các thể thơ quen dùng; chất liệu ca dao, dân ca;... |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS ôn luyện, vận dụng kiến thức đã học viết được đoạn văn

**b. Nội dung:** HS sử dụng sách giáo khoa, văn bản đoạn trích để luyện tập.

- CH 1: Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền, chứng minh?

- CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm như thế nào?

**c. Sản phẩm:**

***1. Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền. Toàn bộ hành động sau đó của y chứng thực điều này:***

- Dây dưa chưa xử kiện ngay để nghĩ kế moi tiền của Trùm Sò (Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu

đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được).

- Thực thi nguyên tắc “nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu” khi tiến hành xử kiện – kẻ có tội bị phạt nặng đã đành (một phần do không có tiền đút lót) nhưng nguyên cáo cũng không tránh khỏi việc bị phiền nhiễu.

- Dung túng cho thuộc hạ (lính lệ) giở trò đòi những người thưa kiện phải hối lộ.

***CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm rất rõ:***

- Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với vị thế của mình. Y thấy “thú vị” với những việc làm có

thể khiến người dân phải lo lắng, sợ hãi. Như vậy, cái có thể đưa đến cảm giác “thú vị” cho quan hoàn toàn khác cái đưa đến cảm giác thú vị cho những người bình thường. Quan

đã trở thành một phần tất yếu của bộ máy cai trị thối nát.

- Từ “chuyên cần” được tri huyện nói ra không chút ngượng mồm. Hoá ra, “chuyên cần” ở đây chỉ là “chuyên cần” vơ vét, miễn sao “đầy túi tham”.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Hoạt động nhóm cặp (5phút)**  **- B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - CH 1: Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền, chứng minh?  - CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** thảo luận, nhận xét, bổ sung  **B3: Báo cáo thảo luận:** HS nhận xét chéo  **B4: Kết luận, nhận định** | **III. LUYỆN TẬP**  ***1. Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền. Toàn bộ hành động sau đó của y chứng thực điều này:***  - Dây dưa chưa xử kiện ngay để nghĩ kế moi tiền của Trùm Sò (Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu  đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được).  - Thực thi nguyên tắc “nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu” khi tiến hành xử kiện – kẻ có tội bị phạt nặng đã đành (một phần do không có tiền đút lót) nhưng nguyên cáo cũng không tránh khỏi việc bị phiền nhiễu.  - Dung túng cho thuộc hạ (lính lệ) giở trò đòi những người thưa kiện phải hối lộ.  ***CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm rất rõ:***  - Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với vị thế của mình. Y thấy “thú vị” với những việc làm có  thể khiến người dân phải lo lắng, sợ hãi. Như vậy, cái có thể đưa đến cảm giác “thú vị” cho quan hoàn toàn khác cái đưa đến cảm giác thú vị cho những người bình thường. Quan đã trở thành một phần tất yếu của bộ máy cai trị thối nát.  - Từ “chuyên cần” được tri huyện nói ra không chút ngượng mồm. Hoá ra, “chuyên cần” ở đây chỉ là “chuyên cần” vơ vét, miễn sao “đầy túi tham”. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS ôn luyện, vận dụng kiến thức đã học viết được đoạn văn

**b. Nội dung:** HS sử dụng sách giáo khoa, đọc tri thức ngữ văn, đoạn trích để vận dụng viết đoạn văn.

- GV: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích ***Huyện đường.***

**c. Sản phẩm:**

- GV: việc nêu cảm nhận về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian phải gắn liền với những phân tích cụ thể đối với các chi tiết tiêu biểu có trong văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích ***Huyện đường.***

- GV dành khoảng 5 – 7 phút cuối giờ học để HS thực hiện yêu cầu này.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân

- GV gợi ý: việc nêu cảm nhận về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian phải gắn liền với những phân tích cụ thể đối với các chi tiết tiêu biểu có trong văn bản.

**B3: Báo cáo thảo luận:** HS nhận xét

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV theo dõi hoạt động của HS, thu lại các “bài viết” làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá về sau.

**Phụ lục**